

TIẾNG ARẬP VÀ CHỮ VIẾT NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VĂN HOÁ

TS. Trần Hồng Vân*

Ngôn ngữ là một bộ phận cấu thành của văn hoá. Vì vậy khi mô tả bất kỳ nền văn hoá nào, thì những đặc điểm của ngôn ngữ đã góp phần truyền tải và biểu đạt cho nền văn hoá đó, đương nhiên là không thể không nhắc tới. Nhưng ngôn ngữ còn là một cái gì đó lớn hơn, chứ không chỉ là “một bộ phận” trong tổng số các bộ phận cấu thành của cái tổng thể được mệnh danh là văn hoá đó. Nó là công cụ của văn hoá và trong vai trò công cụ của mình, ngôn ngữ đụng chạm tới các lĩnh vực khác nhau của văn hoá; mặt khác nó lại không hoà nhập hoàn toàn vào văn hoá. Những yếu tố vật chất của ngôn ngữ, được tổ chức thành hệ thống, là một bản thể độc lập, tiến hoá theo những qui luật riêng, có khả năng bảo tồn trong khi văn hoá thay đổi, hoặc là cùng một lúc chúng có khả năng phục vụ cho một số nền văn hoá. Điểm này thể hiện rõ ở ngôn ngữ Arập.

I. Vùng đất và người Arập

Quê hương của người Arập cổ đại là Arabia - một bán đảo lớn trên trái đất, có thể coi như một Á lục địa thật sự, nếu xét về mặt diện tích (3 triệu km²) và tính chất biệt lập tương đối của nó. Nơi đây, theo các nhà khảo cổ học, từ hơn hai ngàn năm trước công nguyên, người Arập cổ đại đã từng sinh sống

và góp phần tạo nên nền văn minh Tây Á. Về mặt từ nguyên *Arab* có nghĩa là *khô hạn, hoang hoá* (chỉ vùng đất cùngthư dân), từ này do sử dụng lâu, nghĩa của nó ngày càng được mở rộng hơn, dần dần trở thành thuật ngữ: *Arabia* (bán đảo Arập), *Aráp* (người Arập), và *Al-arabia* (tiếng Arập). Những người Arập từ thời xa xưa đã gọi bán đảo này là *Djazirat al-arab* (tiếng Arập có nghĩa là đảo của người Arập), vì họ thấy vùng đất rộng lớn này từ phía được bao quanh bởi biển và sông: Phía Đông Bắc là sông Ôphrat xuôi theo dòng chảy bao bọc, phía Tây Bắc là bờ biển Palestin của Địa Trung Hải, phía Tây là Biển Đỏ, phía Nam là biển Arập, phía Đông là vịnh Pecxich. Xin nêu một ví dụ để so sánh, diện tích châu Âu khoảng 10 triệu km², có nghĩa là bán đảo này lớn gấp gần 5 lần so với diện tích nước Pháp (khoảng 550 nghìn km²) và gấp hơn 8 lần so với diện tích Việt Nam (332 nghìn km²). Để có thể hình dung rõ nét hơn về điều kiện tự nhiên của bán đảo này, xin dẫn lại đoạn khảo tả của Will Durant về *Arabia* như sau: “ Về phương diện địa chất, bán đảo đó tiếp tục sa mạc Xahara, là một phần của cái đai cát đi ngang qua Ba Tư, tới tận sa mạc Gô Bi (...). Về phương diện địa lý, nó là một cao nguyên mênh mông thỉnh thoảng đứng lên tới ba ngàn thước ở cách Hồng Hải năm chục cây số, rồi hạ thấp dần xuống phía Đông, qua những dãy núi hoang vu, tới vịnh Ba Tư. Ở

* Viện Văn học

giữa bán đảo nổi lên vài ốc đảo có cỏ, có làng mạc dưới bóng cây cọ, với những giếng nước không mấy sâu; chung quanh, tứ phía đều là cát mênh mông trải ra tới mấy trăm cây số. Bốn chục năm tuyết mới đổ một lần; ban đêm lạnh tới không độ; ban ngày ánh nắng làm cháy da, máu muốn sôi lên...⁽¹⁾ Trên vùng đất khô cằn này, các bộ lạc Arập du mục và định cư sống đan xen nhau. Vào thế kỷ VI, những người dân du mục (beduin) Arập đã kiểm soát phần lớn đất đai của bán đảo này, mặc dù họ không chiếm đa số dân cư trong vùng. Theo con số thống kê gần đúng, số dân định cư trên bán đảo Arập thời ấy khoảng hơn 4 triệu, trong khi số dân du mục chỉ khoảng 3 triệu⁽²⁾. Trong suốt thời gian dài 18 thế kỷ, từ thời nguyên thủy đến giai đoạn trung thế kỷ, những quan hệ thương mại của các nước tương đối phát triển, được tiến hành xuyên qua sa mạc Arập, còn vùng bờ biển vịnh Ba Tư do các thương đoàn kiểm soát⁽³⁾. Cần nhắc lại rằng, vào những thế kỷ đầu của kỷ nguyên chúng ta, vai trò dân định cư ở bán đảo Arập yếu dần đi, trong khi ảnh hưởng của dân du mục ngày càng lớn hơn. Họ ngày càng thâm nhập sâu hơn vào những vùng lãnh thổ do dân định cư chiếm giữ và bắt đầu kiểm soát nhiều con đường thương thảo và ốc đảo. Quá trình này kéo dài từ thế kỷ IV đến thế kỷ VI; tính tích cực về chính trị của người dân du mục ngày càng cao, các bãi chôn thả thuộc quyền kiểm soát của họ ngày càng được mở rộng thêm.

II. Nguồn gốc và đặc điểm của ngôn ngữ Arập

Tiếng Arập thuộc nhánh Semit của ngữ hệ Semit-khamit. Về mặt lãnh thổ, từ thời xa xưa tiếng Arập đã hình thành, phổ biến và phát triển ở bán đảo Arập trên cơ sở của tiếng Arập cổ đại Bắc Arabia (vùng Bắc và trung tâm bán đảo Arập, và vùng xa mạc

Xiri), mà dấu ấn còn lưu lại ở các văn bia từ thế kỷ thứ V trước công nguyên. Phương ngữ của những văn bia cổ đại (Tamut, Lihanit, Xafait...) nói trên, về cơ bản khác với thứ phương ngữ Arập ở giai đoạn sau, là nền tảng của tiếng Arập trung đại và hiện đại (được biết đến trên các văn bia chỉ từ thế kỷ IV sau công nguyên)⁽⁴⁾. Từ thời kỳ trước khi Hồi giáo xuất hiện, văn học truyền miệng (chủ yếu là thi ca) bằng phương ngữ này đã phát triển và hình thành chuẩn mực ngôn ngữ văn học truyền miệng Koine⁽⁵⁾. Cần phải lưu ý rằng ngôn ngữ thi ca và khẩu ngữ ở các bộ tộc Arập là những hình thái khác nhau của cùng một ngôn ngữ: những nguyên lý về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng v.v.. của chúng, đương nhiên - là chung. Hai biến thể về mặt chức năng của một ngôn ngữ này đã bổ sung và tác động lẫn nhau. Khẩu ngữ của các bộ tộc và các vùng, là phương tiện giao tiếp của người Arập, cộng sinh hoà bình cùng ngôn ngữ thi ca, là phương tiện của đời sống tinh thần ở một mức độ cao hơn. Còn ngôn ngữ thi ca lại góp phần bảo tồn những đặc tính chung và xoá đi những khác biệt giữa các thổ ngữ. Hoàn cảnh này cũng tương tự ở Hy Lạp trong thời đại Homer, vì vậy các nhà lịch sử ngôn ngữ đã gọi ngôn ngữ của thi ca Arập là ngôn ngữ thi ca hay ngôn ngữ văn học Koine. Ngôn ngữ cộng đồng Koine dần dần mở rộng phạm vi ứng dụng trong xã hội. Người Arập đã sử dụng nó để soạn nên những bài diễn từ, sấm truyền, truyền thuyết. Tùy thuộc vào môi trường và phạm vi sử dụng mà ngôn ngữ Koine thể hiện trong các biến dạng khác nhau. Nó cho phép sự đa dạng trong phạm vi nhất định và một cách thoả hiệp, lại dung nạp trong mình đặc điểm của những thổ ngữ hiện sinh, kết hợp với việc bảo tồn những hình thái ngữ pháp, đoản ngữ, những lớp từ vựng cổ xưa đã được tích tụ.

Ngôn ngữ Arập trong kinh Côran của đạo Hồi sau này là sự kết hợp của ngôn ngữ Koine nói trên với những quy phạm của phương ngữ Mekka. Chính trên cơ sở của sự kết hợp này đã tạo thành ngôn ngữ văn học cổ điển Arập, ngôn ngữ của những văn phẩm nghệ thuật, khoa học và tôn giáo của phương Đông Hồi giáo giai đoạn trung thế kỷ. Và ngôn ngữ Arập cổ điển ấy, suốt 15 thế kỷ (từ thế kỷ VII đến nay) là ngôn ngữ chuẩn (hay ngôn ngữ văn học) của người Arập, vẫn bảo tồn được từ pháp cổ đại, tuy có những thay đổi không đáng kể về mặt từ vựng.

Ngày nay tiếng Arập là ngôn ngữ mẹ đẻ của khoảng 100 triệu người Arập thuộc gần 20 quốc gia ở Tây Á và Bắc Phi. Chỉ từ thế kỷ thứ VII trở đi, chúng ta mới có những căn cứ xác thực hơn (nhờ số lượng khá lớn những tác phẩm thành văn còn lưu giữ được) để có thể hình dung một cách rõ nét hơn không chỉ về tiếng Arập trung đại và hiện đại, mà còn làm sáng tỏ hơn tình trạng quá khứ của nó.

Khi mô tả một ngôn ngữ nào đó dưới góc độ lịch sử văn hoá, yêu cầu đặt ra trước hết là xem xét cấu trúc nội tại của nó, để nêu bật những đặc điểm của ngôn ngữ đó về mặt ngữ âm, từ vựng, cú pháp và văn pháp v.v... Tuy nhiên trong phạm vi bài báo này, chúng ta chỉ đề cập tới một số đặc điểm chung nhất, thể hiện rõ nét và thường xuyên nhất trên các cáo bản, bởi lẽ những đặc điểm này ảnh hưởng tới tính chất của các văn bản được soạn thảo bằng ngôn ngữ và hệ thống chữ viết Arập, mà nhờ đó những văn bản ấy đã được định hình. Tiếng Arập được hình thành, là kết quả của quá trình phát triển lâu dài, trên cơ sở chọn lọc những hình thái phương ngữ khác nhau và sự thấu hiểu chúng về mặt nghệ thuật. Đó là một ngôn ngữ chính thể, phát triển cao và dường như

đã hoàn thiện trong quá trình phát triển, đa dạng về cú pháp và rất phong phú về mặt từ vựng, và là ngôn ngữ thống nhất, nếu như không phải đối với tất cả thì cũng là đối với phần lớn các bộ tộc ở bán đảo Arập ngay sau khi đạo Hồi hình thành và phát triển. Về mặt ngữ âm học, tiếng Arập bao gồm 34 âm vị, trong đó có 6 nguyên âm (**a** dài và **a** ngắn; **u** dài và **u** ngắn; **i** dài và **i** ngắn) và 28 phụ âm. Đặc điểm nổi bật của tiếng Arập về phương diện âm vị học là sự khác biệt cơ bản về chức năng giữa phụ âm và nguyên âm. Chúng không bình đẳng và có giá trị không giống nhau. Phụ âm mang trọng trách nghĩa cơ bản, ấn định ngữ nghĩa từ gốc, còn nguyên âm giữ vai trò biểu đạt những phạm trù ngữ pháp và làm rõ nghĩa của từ. Việc mô tả chính xác những âm thanh cùng các biến thể của chúng theo cơ chế làm việc của cơ quan phát âm, theo vị trí cấu tạo và cách thức phát âm, trong phạm vi bài báo này, chúng tôi thấy không cần thiết phải đặt ra. Chỉ cần khẳng định rằng, về mặt ngữ âm học, phụ âm của tiếng Arập rất phong phú, với hệ thống đầy đủ các loại âm vị: âm cường điệu, âm giữa răng, âm vòm mềm, âm yết hầu, âm thanh quản, âm sát, âm lưỡi con, âm tắc (- sat) v.v... Hãy thử so sánh với một số ngôn ngữ có hệ thống ngữ âm tương đối thông dụng, ví dụ tiếng Anh, ta nhận thấy hơn nửa số phụ âm trong tiếng Arập giống các phụ âm tiếng Anh, mà chúng ta tạm thời phiên âm như sau : **b, t, dj, d, kh, r, z, s, sh, g, f, k, l, m, n, h, s** (như âm **th** trong từ *thank*), **z** (như âm **th** trong từ *they*), hai phụ âm **w** và **y** thường được gọi là phụ âm yếu (hay bán nguyên âm). Ngoài ra còn có các phụ âm **a** (alif), **h, c, d, z, t, 'ain, k** (không có trong tiếng Anh) là những âm phát năng (cường điệu) và sâu trong họng (yết hầu), một vài phụ âm khác có thể có trong những ngôn ngữ khác (ví dụ: âm **h** (yết hầu) trong

tiếng Arập phát cũng gần giống âm **h** trong cụm từ *ni hào* của tiếng Trung Quốc).

Tiếng Arập rất phong phú và đa dạng về mặt từ vựng, ví dụ đề chỉ lạc đà (các loại) có khoảng 500 từ. Nhân tố quyết định nghĩa của từ vựng là gốc từ gồm 3 phụ âm (hiếm gặp từ có 4 hoặc 2 và hãn hữu 5 phụ âm gốc), còn nguyên âm (và sự lặp phụ âm) cùng với các phụ tố khác có vai trò biểu hiện ý nghĩa tạo từ và ngữ pháp. Trong sự biến đổi của từ, cùng với sự thêm phụ tố, biến tố trong, sự chuyển đổi các nguyên âm, sự láy âm cũng có một vai trò quan trọng. Danh từ Arập có 2 giống (giống cái và giống đực), 3 số (số ít, số nhiều và số đôi, phân biệt bởi tiếp tố hoặc biến tố trong); 3 cách (danh cách, đối cách và giới cách, được cấu thành bởi vĩ tố); 3 trạng thái: xác định (với quán từ xác định đứng trước), không xác định (với vĩ tố đặc biệt) và trạng thái liên kết (hình thái danh từ có định ngữ sở hữu). Tính chất tổng hợp của từ Arập, tính chất biểu đạt về mặt hình thái, thể hiện ở các dấu hiệu về các phạm trù: *cách, giống, số, và trạng thái* của danh từ; và *ngôi, số, dạng, và giống* của động từ, đã đảm bảo cho sự độc lập tương đối của nó đối với vị trí mà nó chiếm giữ trong câu (mệnh đề)

Động từ chiếm vị trí trung tâm trong hệ thống ngôn ngữ Arập, trên thực tế nó là đẳng trị với chính từ gốc và có ảnh hưởng nhiều đối với danh từ. Tất cả động từ (gồm 14 chủng loại, trong đó động từ gốc (hay còn gọi là động từ khởi nguyên) là chủng loại I) chia thành hai loại, căn cứ vào tính chất hoàn thành và chưa hoàn thành của hành động. Đặc điểm nổi bật của động từ trong tiếng Arập là khả năng sản sinh ra một loạt động từ mới (chủng loại), bằng cách thêm các phụ tố và lặp lại các phụ âm gốc. Những động từ phái sinh này vẫn giữ mối liên hệ trực tiếp về

nghĩa và hình thái với động từ khởi nguyên (gốc), và là những biến thể của nó. Vì vậy ta có thể xem đây là hiện tượng đặc biệt của biến đổi từ. Mặt khác những hình thái động từ thu được nhờ cái biến này trong một chủng mục nhất định, vẫn tồn tại độc lập, và cũng phải bị chia theo hệ biến hoá (theo ngôi, thì, giống...), phát triển thêm nghĩa, và dần dần tách rời xa với nghĩa khởi nguyên. Ví dụ: I) *kataba*: viết; II) *kattaba*: bắt viết; III) *ka~taba* (chúng tôi tạm phiên âm *a* dài là *a~* T. H.V.): viết (cho ai đấy), trao đổi thư từ; ; IV) *'aktaba*: đọc cho viết; V) *takattaba*: đóng thẳng hàng, xếp cột; VI) *taka~taba*: trao đổi thư tin; VII) *'inkataba*: được viết, được soạn thảo; VIII) *'iktataba*: sao chép, ký tên; IX) *'istaktaba*: xin hoặc cho viết, trích lục v.v... Cứ như vậy từ mỗi động từ khởi nguyên có thể cấu tạo nên những động từ khác cùng chủng loại với nghĩa theo quy tắc.

Hạt nhân của từ gốc là động từ khởi nguyên hay danh từ khởi nguyên, khó có thể xác định được. Điều quan trọng là từ những động từ, có thể tạo ra danh từ, và ngược lại, từ những danh từ cũng dễ dàng tạo được những động từ, để rồi từ đó lại tạo ra những thành phần phái sinh khác. Cơ chế này đã đơn giản hoá việc tạo từ, bằng cách cụ thể hoá hoặc khái quát hoá nghĩa từ vựng. Những động từ từ danh từ vẫn giữ lại được nghĩa vật thể, còn danh từ từ động từ vẫn có mối liên hệ với hành động hoặc trạng thái của động từ, cũng như quan hệ chi phối của nó. Ngoài hai hệ thống danh từ (hay gọi chung hơn là tính từ) và động từ kể trên, trong tiếng Arập còn có hệ thống các tiểu từ, đóng vai trò quan trọng trong mệnh đề (câu) Arập. Mệnh đề Arập có hai loại cơ bản: mệnh đề danh từ và mệnh đề động từ. Mỗi loại mệnh đề này đều tuân thủ một trật tự từ thích ứng, nhưng cũng dung nạp phép đảo từ.

III. Văn tự Arập

Ở thời cổ đại, ngôn ngữ của người Arập suốt một thời gian dài mười mấy thế kỷ ẩn trong bóng tối, bởi lẽ chưa tìm được phương tiện biểu đạt thành văn. Những văn bản bằng tiếng Arập đầu tiên còn lưu giữ lại được là nhờ việc sử dụng hệ thống chữ cái phụ âm gồm 28 – 29 ký tự của vùng Nam Arabia hay vùng Sabei. Theo các nhà khoa học, hệ thống chữ cái Nam Arabia này đã được sử dụng để lưu truyền ngôn ngữ thân thuộc của cư dân các bộ tộc Bắc Arabia trong suốt mười thế kỷ (từ thế kỷ V trước công nguyên đến thế kỷ IV – V sau công nguyên)⁽⁶⁾. Nhưng rồi truyền thống này đã không gìn giữ được và đã bị tàn lụi dần cùng với sự tiêu vong của văn học và văn hóa Nam Arabia. Còn văn tự Arập ngày nay là kết quả của việc người Arập đã sử dụng chữ cái của người Nabatei và người Palmir vùng Tây Bắc (từ thế kỷ II trước công nguyên đến thế kỷ III – IV sau công nguyên), là chữ Aramei, thuộc ngữ hệ nhánh Semit. Dần dần từ phiên bản chữ Aramei, người Arập đã cải biên thành kiểu chữ mà sau này trở thành chữ quốc ngữ của họ. Quá trình phát triển của văn tự này diễn ra trong điều kiện hai ngôn ngữ song hành: ở phạm vi chính thống, người ta sử dụng ngôn ngữ viết Aramei truyền thống (mặc dù vào thời đó nó đã bị đẩy ra ngoài phạm vi sử dụng), còn trong đời thường ngôn ngữ hội thoại Arập – Nabatei lại ngự trị. Vì vậy đã diễn ra quá trình tác động qua lại và thâm nhập lẫn nhau giữa hai ngôn ngữ. Trong tiếng Aramei, rất nhiều từ vựng Arập đã được vay mượn, và ảnh hưởng của ngữ âm và hình thái tiếng Arập tác động đến nó cũng không ít. Ngược lại tiếng Arập, lưu truyền được là nhờ chữ viết Aramei, cũng tiếp nhận không ít từ vựng Aramei,

trong khi vẫn bảo toàn được những đặc điểm về chính tả của nó.

Văn tự Arập ngày nay về cơ bản gồm những phụ âm, thể hiện ở 28 chữ cái, được viết từ phải sang trái. Mỗi chữ cái có từ 2 đến 4 hình thái (hay còn gọi là trạng thái, phụ thuộc vào vị thế của chữ cái đó: đứng riêng, ở đầu, ở giữa, hay ở cuối từ). Các nguyên âm dài được biểu hiện bằng các chữ **w** (u), **j** (ya), **‘** (alif); những nguyên âm ngắn (thường không thể hiện trên văn bản) được biểu hiện bằng các ký hiệu ở trên hoặc dưới dòng chữ.

Gần 14 thế kỷ trước, người Arập hợp nhất nhau lại bởi một niềm tin vào tôn giáo mới là đạo Hồi, do Muhammad đề xướng, đã vươn ra ngoài phạm vi bán đảo Arabia và bước ra vũ đài lịch sử rộng lớn. Dưới triều đại của những người kế tục Muhammad là các Khalif (quốc vương Hồi giáo), họ đã tạo dựng được một nhà nước Khalifat rộng lớn, trải dài từ Pirene (Tây Ban Nha) đến tận cửa Ấn Hà (Ấn Độ). Và lần đầu tiên kể từ thời Alecxandr Makedon, người Arập đã nối liền phương Tây và phương Đông, Địa Trung Hải La Mã và thế giới Ấn Độ - Iran.

Việc truyền bá tiếng Arập cùng chữ viết liên quan tới các cuộc chinh phục của người Arập và việc truyền bá đạo Hồi. Khi đạo Hồi xuất hiện, chữ Arập không chỉ là văn tự của người Arập, mà nhiều dân tộc khác (như Iran, Apganixtan, Pakixtan, Wuigur...) khi tiếp nhận Hồi giáo đã tiếp nhận và sử dụng tiếng Arập cùng chữ viết như ngôn ngữ chính thống của họ, và cho đến tận bây giờ nhiều dân tộc không thuộc Arập, vẫn sử dụng hệ thống chữ cái Arập để truyền tải ngôn ngữ của mình (ví dụ Iran). Những dân tộc này, khi sử dụng chữ cái Arập, do nhu

câu diễn đạt của ngôn ngữ mẹ đẻ, đôi khi đã bổ sung thêm những chữ cái của riêng họ. Còn ngôn ngữ các dân tộc này cũng tiếp nhận nhiều yếu tố từ tiếng Arập: từ vựng, ngữ âm, ngữ cú, niêm luật v.v.. Đặc biệt là tỷ lệ từ gốc Arập trong vốn từ vựng của một số nước Trung Á khá lớn (ví dụ theo con số thống kê: 40% từ vựng Udobêkixtan là từ có xuất xứ từ tiếng Arập, trong tiếng Iran hiện đại tỉ lệ từ gốc Arập cũng rất cao), trong đó hầu hết những khái niệm (danh từ chung) và thuật ngữ có nguồn gốc từ Arập. Cho đến những năm 1920 – 1930 của kỷ nguyên vừa qua, Thổ Nhĩ Kỳ, và một số nước cộng hoà vùng Trung Á, thuộc Liên Xô cũ (Adecbaigian, Udobêkixtan, Kirgizia, Tatgikixtan, Dagestan v.v...) cũng sử dụng hệ thống chữ cái Arập để diễn đạt ngôn ngữ của họ thành văn bản.

IV. Vai trò của tiếng Arập trong sự hình thành và phát triển đạo Hồi

Sự xuất hiện của đạo Hồi đã đánh dấu một bước ngoặt quyết định trong lịch sử phát triển của người Arập và bán đảo Arabia, cả về phương diện ngôn ngữ và văn học. Sự hình thành của đạo Hồi đã tạo ra được sự đồng nhất về ngôn ngữ ở Arabia, và nhờ đó những tác phẩm văn học thuộc những thể loại chưa từng thấy trước đây cũng đã xuất hiện. Để truyền giáo có hiệu quả, Muhammad (và những đồng sự của ông) đã sử dụng thứ ngôn ngữ chung, dễ hiểu cho mọi người Arập. Vai trò thực tiễn của tiếng Arập là công cụ của đời sống chính trị - tôn giáo ngày càng được nâng cao, cùng với sự tăng trưởng về số lượng thành viên và sự củng cố về mặt tổ chức của công xã tín đồ Hồi giáo, và nhất là khi nhà nước thần quyền đầu tiên xuất hiện ở Arabia. Thời kỳ đầu những bài truyền giáo của Muhammad còn

tản mạn, chủ yếu được lưu giữ trong trí nhớ, chỉ một số phần được ghi chép lại. Đến thời Khalif (quốc vương Hồi giáo) Abu Bakra (632 – 634) một thư lại của nhà tiên tri có tên là Zaid Ibn Abit đã được trao trọng trách tập hợp và biên soạn lại toàn bộ những bài truyền giáo của Muhammad thành cuốn sách kinh của các tín đồ Hồi giáo, gọi là *Kur'an*⁽⁷⁾ (kinh Côran). Đương nhiên vì là viết tay nên chỉ có một bản, và để có nhiều cuốn kinh Hồi giáo khác nữa, thì cần phải sao chép để nhân bản. Và không chỉ có riêng kinh sách cần sao chép và phổ biến, mà các văn phẩm thuộc nhiều chuyên ngành khác nữa cũng có nhu cầu tương tự. Và thế là một lĩnh vực mới xuất hiện đó là nghề sao chép các loại văn bản phẩm (văn học, lịch sử, địa lý, ngữ văn, triết học, thần học v.v...).

Vậy là đến khoảng những năm 30 của thế kỷ VII, người Arập không chỉ đoàn kết hợp nhất nhau lại bởi hệ tư tưởng Hồi giáo và quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức những cuộc hành binh để mở mang bờ cõi ra ngoài phạm vi Arabia; mà họ còn sở hữu một ngôn ngữ thống nhất, phát triển cao, không khác nhiều lắm so với phương ngữ của các bộ tộc trên vùng lãnh thổ; một nền văn chương truyền miệng phong phú, trong đó nổi bật là nền thi ca đang thời kỳ nở rộ; hệ thống văn tự độc lập, dấu rằng văn chưa đạt đến mức phát triển thật hoàn thiện; và cho dù khởi đầu mới chỉ là một cuốn sách nhưng lại đặc biệt quan trọng, đó là cuốn kinh Côran, là chuẩn mực của ngôn ngữ Arập, một di sản văn hoá nói chung, văn học và tôn giáo nói riêng của nhân loại.

Những cuộc chinh phạt của người Arập kéo dài khoảng hơn một thế kỷ, và kết thúc bằng việc thiết lập được nhà nước Hồi giáo trải dài từ Tây Ban Nha đến tận Ấn Độ. Đi

tới đâu, họ cũng mang theo tôn giáo cùng với tiếng Arập của mình dưới hình thức khẩu ngữ và văn bản. Vậy là bắt đầu diễn ra quá trình truyền bá tôn giáo và đồng hoá ngôn ngữ đối với dân bản địa. Quá trình này trải qua một thời gian khá dài, ở những vùng lãnh thổ khác nhau, vì vậy cường độ và kết quả của nó cũng khác nhau. Đây cũng là giai đoạn chuẩn bị cơ sở cho việc phát triển các thể loại văn bản thành văn trong một vùng lãnh thổ rộng lớn. Việc truyền bá tiếng Arập dẫn đến kết quả là bản đồ ngôn ngữ của Trung Đông, Bắc Phi, một phần Nam Âu, Iran, Zakapka và Trung Á đã thay đổi. Quá trình này diễn ra không cần phải sử dụng những biện pháp cưỡng chế hay phải áp dụng một chính sách ngôn ngữ cụ thể nào. Đơn giản chỉ do hoàn cảnh chính trị xã hội lúc bấy giờ đã tạo được điều kiện thuận lợi cho tiếng Arập dần dần nắm lấy vai trò chủ đạo của mình⁽⁸⁾: là ngôn ngữ của kẻ chiến thắng, với hậu thuẫn là tôn giáo và công xã các tín đồ Hồi giáo của họ. Các binh lính Arập không cần phải thích ứng với hoàn cảnh ngôn ngữ cũng như chính trị - xã hội ở mỗi nước mà họ chiếm đóng như: dạy tiếng cho số đông dân chúng, tìm cách giao tiếp với dân bản địa... Doanh trại, đồn binh, khu cư trú của họ mang tính chất tự trị và tự chủ. Riêng về phương diện ngôn ngữ thì giao tiếp chính thống và thường nhật, các cơ quan hành chính, toà án, giáo hội, cũng như thư từ được chuyển từ kinh đô tới, tất cả đều được sử dụng bằng tiếng Arập. Ngược lại, dân bản địa, chỉ ít là bộ phận có liên hệ và thường xuyên phải giao tiếp với kẻ đi chinh phục, lại cần phải thích nghi về mặt ngôn ngữ. Hơn nữa, đối với những cư dân không phải gốc Arập của quốc gia Hồi giáo, việc nắm vững tiếng Arập lúc này đã trở thành

một trong những biểu tượng về hội tịch của họ trong tập thể mới, cũng như minh chứng cho sự đồng tâm về văn hoá và tư tưởng xã hội của các thành viên đó trong cộng đồng. Việc thay đổi ngôn ngữ đối với các cá nhân và những tập thể không đơn giản chỉ là việc mất dần đi của một số thói quen ngôn ngữ và sự tiếp nhận những thói quen ngôn ngữ mới, mà còn là sự cải tổ các thành phần và cơ cấu của toàn bộ những thông tin văn hoá thu được thông qua ngôn ngữ đó. Ngược lại, tiếng Arập trong quá trình cọ sát, va đập với những ngôn ngữ khác, cũng nhận được những sự phản hồi, những ảnh hưởng từ phía đối phương, vì vậy cơ cấu ngôn ngữ này cũng có những biến đổi về mặt ngữ âm, từ vựng v.v... Một sự kiện quan trọng khác, có ảnh hưởng lớn tới quá trình đồng hoá ngôn ngữ Arập, đó là: dưới triều đại của Abdal-malik (685 – 705), vị Khalif này đã đưa ra những quyết định quan trọng, góp phần củng cố vị thế tiếng Arập ở các vùng lân bang. Thứ nhất, theo quy định mới, những công việc văn thư ở tổng cục thuế phải chuyển sang dùng tiếng Arập (trước đó ở các vùng của Bizantin dùng tiếng Hy Lạp, còn ở các vùng của Iran sử dụng tiếng Ba Tư trung cổ). Quyết định thứ hai là việc thay đổi tiền xu: đồng xu của Bizantin và Iran được thay thế bằng đồng xu mới với lời chú giải bằng tiếng và chữ viết Arập. Việc khẳng định tiếng Arập trong 2 chức năng quan trọng này đương nhiên đã suy tôn địa vị của nó lên thành ngôn ngữ quốc gia. Chữ Arập cũng được hoàn thiện hơn. Hệ thống chính tả được chấn chỉnh đã tạo thuận lợi cho việc định hình những văn bản thành văn, đang ngày càng có nhu cầu lớn hơn. Đến cuối thế kỷ VII, đầu thế kỷ VIII số lượng những tác phẩm thành văn bằng tiếng Arập: văn bia, tài

liệu, các tác phẩm văn học đã tăng lên rõ rệt. Quá trình tìm kiếm một phiên bản tối ưu của hệ thống chữ cái Arập và sự tăng trưởng về số lượng những tác phẩm thành văn đã khơi dậy sự hứng thú và niềm say mê lớn đối với các vấn đề ngôn ngữ của các học giả Arập⁽⁹⁾ thời ấy và thôi thúc họ tìm tòi nghiên cứu. Kết quả là chỉ chưa đến một thế kỷ rưỡi đã hình thành các bộ môn ngữ văn học: ngữ pháp, từ điển, phong cách học, tu từ học, thi pháp học và niêm luật thơ... Đến lượt mình, khoa học ngữ văn lại tạo sự ổn định cho những chuẩn mực ngôn ngữ và những quy tắc văn pháp, làm phong phú thêm cho ngôn ngữ văn học, củng cố hơn cho vị thế xã hội của nó. Một nhân tố nữa góp phần làm phong phú thêm tiếng Arập là những hoạt động dịch thuật, phát triển mạnh trong thời kì nhà nước Khalifat, song song với việc sưu tập những tác phẩm văn học truyền miệng và sự hình thành khoa học ngữ văn. Tiếng Arập cổ điển dường như bị đóng hộp trong hệ

thống chữ viết, ngữ pháp, văn pháp, từ điển, niêm luật v.v.. và những tác phẩm văn học khác, thực ra rất ít thay đổi. Minh chứng cho nhận xét này là ý kiến của nhà phương Đông học của Nga, TS. Khalidov khi ông kết luận: “Một độc giả Arập hiện đại nếu có chút ít học vấn, là có thể hiểu một cách tương đối những cuốn sách được viết từ nhiều thế kỉ trước đây”. Khó có thể tìm thấy một ví dụ khác về sự ổn định tương đối như vậy của ngôn ngữ trên thế giới. Nhưng dù sao thì tiếng Arập cũng không hoàn toàn bất biến, trong thời gian suốt mười mấy thế kỷ qua, nó vẫn không để mất đi mối liên hệ với thổ ngữ Arập sống động, mà từ đó có thể tiếp nhận những yếu tố mới về từ vựng và ngữ cú. Ở mỗi thời đại, mỗi vùng, và mỗi môi trường, tiếng Arập đều chọn lọc cho mình một chút ít các phương tiện sử dụng, biểu đạt, tùy theo nhu cầu thực tế. Và chỉ có như vậy nó mới thực hiện được vai trò công cụ văn hoá nhiều thế kỷ của mình.

Ghi chú

- (1). Will Durant, *Văn Minh Arập*, Nguyễn Hiền Lê dịch, Phục Hưng, 1975.
- (2). O.G. Bolshakov, *Lịch sử Khalifat. I. Đạo Hồi ở bán đảo Arập (570-633)*, Moskva., 1989.
- (3). A.B. Kudelin., *Nền văn hoá của những người du mục ở bán đảo Arập thế kỉ VI-VIII..* Tc., Văn Hoá nghệ thuật, 11-1999.
- (4). A.B. Khalidov, *Cảo bản và truyền thống lưu truyền cảo bản Arập.*, Moskva, 1985.
- (5). Ngôn ngữ cộng đồng, hình thành trên cơ sở một phương ngữ nào đó chiếm ưu thế, hoặc một số phương ngữ gộp lại. Từ gốc Hy Lạp, có nghĩa: *chung, cộng đồng (thổ ngữ)*.
- (6). A. B. Khalidov., *Cảo bản và truyền thống lưu truyền cảo bản của Arập.*, M., 1985.tr. 13.
- (7). Về mặt từ nguyên, tiếng Arập: Kur'an có nghĩa là đọc to, thuộc lòng, ngâm vịnh.
- (8). A.B. Khalidov. *Cảo bản và truyền thống...* Sdd.
- (9). Tinh từ Arập ở đây với nội hàm ngôn ngữ Arập, sử dụng tiếng Arập, chứ hoàn toàn không liên quan đến chủng tộc Arập